

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 17 - 02 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thuận

Bà Quách Thị Tình

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Đỗ Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2025/TLST-HS, ngày 13/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS, ngày 03/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T; Tên gọi khác: không; sinh ngày: 04/04/1987; nơi sinh: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038087008278 nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1; con bà: Đỗ Thị H; Tiền án: 02 tiền án, Ngày 12/09/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Trốn khỏi nơi giam giữ; Ngày 14/06/2023 bị Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh, xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các bản án nêu trên nhưng chưa được xóa án tích, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 28/11/2024 đến ngày 04/12/2024, sau đó bị tạm giam từ ngày 04/12/2024 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

**** Bị hại:*** Anh Trần Văn N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

** Người làm chứng:*

1. Họ và tên: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Khu phố Lâm Thành, thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa

2. Họ và tên: Anh Lê Thanh N1, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 28/11/2024, Lê Văn Tân sinh năm 1984, trú tại thôn C, xã T, huyện T, sau khi đi xe ô tô khách từ Thành phố Hồ Chí Minh về đến huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì xuống xe. Sau đó T bắt xe mô tô dịch vụ (xe ôm) từ huyện H đi về đến khu phố L, thị trấn K, huyện T và đi bộ về nhà tại thôn C, xã T, huyện T. Sau khi về đến nhà, do vừa mới chấp hành xong án phạt tù về tội trộm cắp tài sản, không có việc làm và không có thu nhập, nên T đã nảy sinh ý định đi tìm tài sản để trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, T cầm theo 01 thanh kim loại dài 7,5cm; 01 chiếc cờ lê số 8; 01 con dao quắm bằng kim loại màu đen; 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda dài 05cm, rộng 03cm; 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda dài 8,6cm, rộng 3,7cm (đây là những tài sản mà T mua trước đó và nhặt được) đi bộ một mình từ nhà đến thôn X, xã T, huyện T. Khi đi đến khu vực bãi mía thuộc thôn X, T nhìn thấy có 02 xe mô tô đang để ở dọc lề đường, trong đó có chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE FI, màu sơn bạc, BKS: 36E1-409.05 của anh Trần Văn N sinh năm 1982, trú tại khu phố L, thị trấn K, huyện T, không có người trông coi, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. Lúc này, T lấy 01 thanh kim loại tự chế dài 7,5cm, có một đầu dẹt và 01 đầu hình trụ, T đưa phần đầu dẹt vào bên trong ổ khóa điện và dùng 01 chiếc cờ lê số 8, để giữ, vặn phá ổ khóa điện của xe. Sau khi đã phá được khóa điện, T sử dụng 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda dài 8,6cm, rộng 3,7cm, mở khóa điện của xe mô tô và nổ máy, điều khiển xe đi về hướng thôn C, xã T, huyện T, khi đi được khoảng 100 mét, thì anh Trần Văn N đang làm cách đó khoảng 30 mét, phát hiện T trộm cắp chiếc xe của mình, nên đã hô hoán mọi người xung quanh đuổi theo T. Sau đó, anh N lấy chiếc xe mô tô của chị Nguyễn Thị P sinh năm 1983 (là vợ N), để đuổi theo T, vừa đuổi anh N vừa hô hoán mọi người xung quanh biết, cùng truy đuổi theo T. Lúc này, có anh Lê Thanh N1 sinh năm 1978, trú tại thôn X, xã T đang ở nhà, khi nghe thấy anh N1 hô hoán đuổi theo T, thì anh Lê Thanh N1 cũng lấy xe mô tô của gia đình, để truy đuổi theo T cùng anh N1. Khi bỏ chạy, thì T điều khiển xe mô tô chạy về hướng thôn C, xã T, sau đó chạy vòng quay lại khu vực đồi T, thuộc thôn X, xã T, thì Công an huyện T đuổi kịp áp sát nên T bỏ lại xe mô tô BKS: 36E1-409.05, chạy đến

khu vực nghĩa trang T2 thì T bị Công an huyện T bắt giữ và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T về hành vi Trộm cắp tài sản, đồng thời thu giữ vật chứng và các đồ vật, tài sản có liên quan.

Ngày 29/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ban hành Yêu cầu định giá số 1683/YCDG-ĐTTH, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T tiến hành định giá đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE, màu sơn bạc – nâu – đen, BKS: 36e1-409.05. Tại Kết luận định giá số 23/KL-HĐĐGTS ngày 03/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: *Giá trị 01 (một) xe mô tô BKS:36E1 - 409.05, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE FI, màu sơn bạc - nâu - đen; số khung RLHJC7657MY001757; số máy JC90E0098637, xe cũ đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu ngày 21/01/2021 tại thời điểm xảy ra việc có giá trị là: 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng).*

Xác minh tài sản, thu nhập của bị cáo xác định, bị cáo hiện sống cùng nhà với bố mẹ ở thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, không có công việc, thu nhập ổn định và không có tài sản chung, tài sản riêng.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE FI, màu sơn bạc - nâu - đen; số máy: JC90E0098637; số khung: RLHJC7657MY001757; BKS: 36E1-409.05; xe cũ đã qua sử dụng;

- 01 chiếc cờ lê số 8 bằng kim loại màu bạc, dài 12,5cm, rộng 1,5cm, dày 0,6cm, hai bên thân khắc dòng chữ số “8 DUN GONG TOOLS8” và “8 DG Vong Mieng8”;

- 01 thanh kim loại màu đen dài 7,5cm, rộng 01cm, một đầu hình lục giác đều, một đầu cắt dẹp, nhọn;

- 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, dài 05cm, rộng 03cm;

- 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, dài 8,6cm, rộng 3,7cm, phần cán bằng nhựa khắc chữ số “P871”;

- 01 con dao (dạng dao quắm) dài 62cm, phần cán bằng gỗ dài 36cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 26cm;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A06, màu sơn xanh; số seri R8YX81RC7NZ; số IMEI 350588934512716, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã xử lý bằng cách trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp cụ thể:

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp anh Trần Văn N: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA FUTURE FI, màu sơn bạc - nâu - đen; số máy: JC90E0098637; số khung: RLHJC7657MY001757; BKS: 36E1-409.05; xe cũ đã qua sử dụng;

- Trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ông Lê Văn T1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A06, màu sơn xanh; số seri R8YX81RC7NZ; số IMEI 350588934512716, điện thoại cũ đã qua sử dụng

Đôi 01 chiếc cò lê số 8; 01 thanh kim loại màu đen; 02 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA và 01 con dao quắm sẽ được chuyển đến bảo quản, chờ xử lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSTT ngày 13/01/2025, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt Lê Văn T từ 42 tháng đến 48 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2024.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc cò lê số 8 bằng kim loại màu bạc, dài 12,5cm, rộng 1,5cm, dày 0,6cm, hai bên thân khắc dòng chữ số “8 DUN GONG TOOLS8” và “8 DG Vong Mieng8”; 01 thanh kim loại màu đen dài 7,5cm, rộng 01cm, một đầu hình lục giác đều, một đầu cắt dẹp, nhọn; 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, dài 05cm, rộng 03cm; 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, dài 8,6cm, rộng 3,7cm, phần cán bằng nhựa khắc chữ số “P871”; 01 con dao (dạng dao quắm) dài 62cm, phần cán bằng gỗ dài 36cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 26cm.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh về tài sản, thu nhập, xác định bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản chung hoặc riêng có nên đại diện VKSND đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Phản tranh tụng tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, vào chiều ngày 28/11/2024, tại khu vực bãi mía thuộc thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản, Lê Văn T đã trộm cắp 01 xe mô tô BKS: 36E1-409.05 của anh Trần Văn N có giá trị tài sản là 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm nghìn đồng). Tại bản án số 132/2023/HSST ngày 14/06/2023 của TAND quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là “tái phạm”, Lê Văn T đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới. Do đó có đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất nghiêm trọng do Lê Văn T thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội.

[5] Bị cáo có 02 tiền án về các hành vi chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân, bị cáo tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản. Do đó hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc và

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét.

[7] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản chung hoặc riêng có giá trị, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối 01 chiếc cờ lê số 8 bằng kim loại màu bạc, dài 12,5cm, rộng 1,5cm, dày 0,6cm, hai bên thân khắc dòng chữ số “8 DUN GONG TOOLS8” và “8 DG Vong Mieng8”; 01 thanh kim loại màu đen dài 7,5cm, rộng 01cm, một đầu hình lục giác đều, một đầu cắt dẹp, nhọn; 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, dài 05cm, rộng 03cm; 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, dài 8,6cm, rộng 3,7cm, phần cán bằng nhựa khắc chữ số “P871”; 01 con dao (dạng dao quắm) dài 62cm, phần cán bằng gỗ dài 36cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 26cm là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng phạm tội đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 28/11/2024.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Tịch thu tiêu hủy:

- 01 chiếc cờ lê số 8 bằng kim loại màu bạc, dài 12,5cm, rộng 1,5cm, dày 0,6cm, hai bên thân khắc dòng chữ số “8 DUN GONG TOOLS8” và “8 DG Vong Mieng8”;
- 01 thanh kim loại màu đen dài 7,5cm, rộng 01cm, một đầu hình lục giác đều, một đầu cắt dẹp, nhọn;
- 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, dài 05cm, rộng 03cm;
- 01 chìa khóa xe mô tô nhãn hiệu HONDA, dài 8,6cm, rộng 3,7cm, phần cán bằng nhựa khắc chữ số “P871”;
- 01 con dao (dạng dao quắm) dài 62cm, phần cán bằng gỗ dài 36cm, đường kính 2,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 26cm;.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/01/2025 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T và chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 6, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thạch Thành;
- Đội THAHS công an Thạch Thành;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

